

THÔNG TIN ĐẶT CHỖ CỦA HÀNH KHÁCH (PNR)	
1. Mã đặt chỗ của khách hàng - PNR (Passenger Name Record Locator):	2. Ngày đặt chỗ (Date of Reservation):
3. Số hiệu chuyến bay (Flight Number):	4. Ngày bay dự kiến (Date(s) Of Intended Travel):
5. Tên hành khách (Passenger Name):	6. Ngày, tháng, năm sinh:
7. Giới tính (Gender):	8. Quốc tịch:
9. Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, loại giấy tờ và nơi cấp hộ chiếu:	10. Thông tin về thanh toán (All Forms Of Payments Information):
11. Thông tin vé (Ticketing Field Information):	12. Thông tin hành trình bay (Travel Itinerary):
13. Thông tin khách hàng thường xuyên (Frequent Traveller Information):	14. Thông tin đại lý du lịch thực hiện đặt chỗ (Travel Agent):
15. Mã xác định người đặt vé (Identity Of Person Who Made The Booking):	16. Mã đoàn (Group Indicator/Code Share):
17. Thông tin về hành lý (Baggage Information):	18. Thông tin ghi chú chung (General Remarks):
19. Thông tin dịch vụ đặc biệt (Special Service Information/Special Service Requests Information):	20. Các thông tin API khác (Any Collected API Information):
21. Chỉ số thể hiện nhóm/cá nhân (Group Indicator):	22. Số lượng khách (Number Of Travellers):
23. Thông tin lịch sử thay đổi (All Historical Changes):	

....., ngày (date) tháng (month) ... năm(year) ...

ĐẠI DIỆN HÃNG HÀNG KHÔNG

SIGNATURE OF CARRIER

(ký tên, đóng dấu)